|  |  |
| --- | --- |
| ATRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP HCM  **KHOA LUẬT DÂN SỰ** |  |

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM HỌC 2020- 2021**

**MÔN LUẬT DÂN SỰ**

1. Nguyên tắc Tòa án không được từ chối giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng.
2. Năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của chủ thể trong xác lập giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Quy định của pháp luật dân sự về tuyên bố chết đối với cá nhân.
4. Bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình bằng biện pháp dân sự.
5. Đại diện của pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
6. Các hình thức giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
7. Trách nhiệm dân sự của pháp nhân.
8. Việc tham gia quan hệ pháp luật dân sự của thành viên hộ gia đình, tổ chức không có tư cách pháp nhân theo pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành.
9. Việc tham gia quan hệ pháp luật dân sự của Nhà nước theo pháp luật dân sự Việt Nam – Nghiên cứu so sánh với pháp luật của một số nước trên thế giới.
10. Họ, hụi, biêu, phường theo pháp luật dân sự Việt Nam.
11. Giao dịch do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện nhân danh người khác.
12. Giao dịch do người chưa thành niên xác lập, thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
13. Phân loại thời hiệu theo pháp luật một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam.
14. Tài sản hình thành trong tương lai theo pháp luật Việt Nam hiện hành.
15. Giấy tờ có giá trong giao lưu dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.
16. Giá trị pháp lý của tiền ảo trong pháp luật của một số quốc gia trên thế giới – Kinh nghiệm đối với Việt Nam.
17. Hình thức sở hữu theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
18. Thời điểm chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành.
19. Sở hữu chung trong nhà chung cư theo quy định của pháp luật Việt Nam.
20. Quyền đối với bất động sản liền kề theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.
21. Xử lý công trình xây dựng lấn chiếm bất động sản của người khác theo pháp luật dân sự Việt Nam.
22. Xử lý lấn chiếm ranh giới giữa các bất động sản theo quy định một số nước trên thế giới – kinh nghiệm cho Việt Nam.
23. Giao dịch quyền bề mặt trong giao dịch bất động sản theo pháp luật hiện nay.
24. Bảo vệ chiếm hữu theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
25. Xác lập, chấm dứt quyền hưởng dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
26. Đối tượng của quyền hưởng dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
27. Bảo vệ quyền sở hữu bằng việc yêu cầu người có hành vi xâm phạm quyền trả lại tài sản.
28. Tổn thất tinh thần trong trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành.
29. Hợp đồng vô hiệu từng phần theo quy định của pháp luật Việt Nam.
30. Điều kiện giao dịch chung trong giao kết hợp đồng.
31. Hợp đồng vô hiệu do có đối tượng không thực hiện được.
32. Huỷ bỏ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
33. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
34. Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba theo quy định của pháp luật dân sự.
35. Tặng cho tài sản có điều kiện - Những vấn đề lý luận và thực tiễn.
36. Giao dịch giả tạo và xử lý hậu quả của giao dịch giả tạo trong hoạt động cho vay tài sản ở Việt Nam hiện nay.
37. Nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định của pháp luật Việt Nam.
38. Đối tượng của giao dịch bảo đảm theo quy định của Bộ luật Dân sự.
39. Hiệu lực đối kháng của giao dịch bảo đảm theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
40. Đăng ký các giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật Việt Nam.
41. Bảo đảm nghĩa vụ hình thành trong tương lai theo pháp luật Việt Nam.
42. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
43. Xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật Việt Nam.
44. Xử lý tài sản là bất động sản, tài sản khác trên đất theo quy định của pháp luật Việt Nam.
45. Thế chấp quyền đòi nợ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
46. Bảo lưu quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật Dân sự.
47. Cầm giữ tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự.
48. Bảo lãnh theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015.
49. Hợp đồng hợp tác theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
50. Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung trong giao kết hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
51. Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội.
52. Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thương mại.
53. Thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam.
54. Lãi suất trong hợp đồng vay tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
55. Giao dịch mượn quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật Việt Nam.
56. Sự kiện bất khả kháng – căn cứ để loại trừ trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng.
57. Thời điểm chuyển rủi ro trong các hợp đồng dân sự theo qui định của pháp luật Việt Nam.
58. Nghĩa vụ ngăn chặn, hạn chế thiệt hại theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
59. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra theo pháp luật Việt Nam.
60. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm kém chất lượng gây thiệt hại cho quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
61. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi người bị thiệt hại có lỗi theo quy định của Bộ luật Dân sự.
62. Trách nhiệm dân sự liên đới trong vấn đề bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam.
63. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ra thiệt hại khi thực hiện tiêm phòng Vaccin - Nhìn từ góc độ bảo vệ người tiêu dùng.
64. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong kinh doanh theo pháp luật Hoa Kỳ.
65. Bồi thường thiệt hại phát sinh từ quan hệ láng giềng.
66. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp có bảo hiểm.
67. Bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực y tế.
68. Bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực cạnh tranh không lành mạnh.
69. Bồi thường thiệt hại do hệ thống tải điện gây ra.
70. Bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra.
71. Vai trò của yếu tố lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.
72. Nghiên cứu so sánh về hàng thừa kế theo quy định pháp luật Việt Nam và các nước.
73. Người thừa kế theo pháp luật với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015
74. Thời điểm mở thừa kế và vấn đề chuyển quyển sở hữu di sản theo quy định của pháp luật Việt Nam.
75. Hình thức di chúc theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
76. Quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh.
77. Giới hạn của quyền tác giả - những vấn đề pháp lý và thực tiễn.
78. Căn cứ xác định chủ thể trong tác phẩm đồng tác giả.
79. Thừa kế quyền tác giả.
80. Hoạt động của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan – Thực trạng và giải pháp.
81. Bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian.
82. Bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính.
83. Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kinh doanh thương mại điện tử.
84. Bảo vệ quyền tác giả trong hoạt động của thư viện theo quy định pháp luật nước ngoài và kinh nghiệm cho Việt Nam.
85. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong việc chia sẻ dữ liệu file P2P.
86. So sánh cơ chế bảo hộ quyền tác giả giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.
87. Nguyên tắc cân bằng đối trọng về lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và công chúng.
88. Những vấn đề pháp lý về siêu liên kết dưới góc độ quyền tác giả.
89. Hành vi xâm phạm quyền tác giả.
90. Xử lý hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý bằng biện pháp dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.
91. Xử lý sự xung đột quyền giữa kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và quyền tác giả.
92. Bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam.
93. Thừa kế quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam.
94. Nhãn hiệu liên kết theo quy định pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới.
95. Nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận theo quy định pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới.
96. Quy định về tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng theo pháp luật SHTT Việt Nam – Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện.
97. Bảo hộ nhãn hiệu trong nhập khẩu song song.
98. Xung đột quyền giữa nhãn hiệu và tên miền.
99. Khả năng phân biệt của tên thương mại.
100. Bảo hộ bí mật kinh doanh trong hoạt động của doanh nghiệp.
101. Điều kiện bảo hộ bí mật kinh doanh – So sánh với pháp luật Nhật Bản.
102. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam và bài học kinh nghiệm của nước ngoài cho Việt Nam.
103. Xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.
104. Nguyên tắc cạn quyền trong pháp luật sở hữu trí tuệ.
105. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam.
106. Quyền sử dụng trước đối với sáng chế và kiểu dáng công nghiệp theo Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam.
107. Bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với sáng chế theo quy định của pháp luật SHTT Việt Nam.
108. Nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu sáng chế và cộng đồng trong bảo hộ sáng chế.
109. Bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.
110. Căn cứ bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả.
111. Bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
112. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự.

**MÔN LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ**

1. Hoạt động thu thập chứng cứ trong tố tụng dân sự
2. Hoạt động cung cấp chứng cứ trong tố tụng dân sự
3. Hoạt động thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm
4. Nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của đương sự trong tố tụng dân sự
5. Cung cấp tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm dân sự
6. Hoạt động chứng minh của đương sự trong thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự
7. Nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng dân sự
8. Biện pháp trưng cầu giám định trong tố tụng dân sự
9. Biên pháp định giá tài sản trong tố tụng dân sự
10. Biện pháp xem xét, thẩm định tại chổ trong tố tụng dân sự
11. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài
12. Giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợpchưa có điều luật để áp dụng
13. Thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự
14. Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng dân sự
15. Áp dụng tập quán trong xét xử và giải quyết vụ việc dân sự
16. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các tranh chấp về bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính không đúng theo quy định của pháp luật về cạnh tranh
17. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các tranh chấp về về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước theo quy định của Luật tài nguyên nước.
18. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng.
19. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.
20. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán phí tổn đăng ký mua tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.
21. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
22. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các yêu cầu bắt giữ tàu bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng Việt Nam
23. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đối với các yêu cầu bắt giữ tàu biển theo quy định của pháp luật về hàng hải Việt Nam
24. Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức
25. Thẩm quyền của các Tòa chuyên trách Tòa án nhân dân
26. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện
27. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh
28. Thẩm quyền giải quyết yêu cầu dân sự theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện
29. Thẩm quyền giải quyết yêu cầu dân sự theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh
30. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ trong tố tụng dân sự
31. Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu trong tố tụng dân sự
32. Nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm vụ án dân sự
33. Miễn hoặc không phải nộp tạm ứng án phí, án phí trong tố tụng dân sự
34. Quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán trong tố tụng dân sự
35. Quyền và nghĩa vụ của Thẩm tra viên trong tố tụng dân sự
36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm tra viên trong tố tụng dân sự
37. Quyền và nghĩa vụ của Hội thẩm nhân dân trong tố tụng dân sự
38. Phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong tố tụng dân sự
39. Đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự ở Tòa án cấp sơ thẩm
40. Đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự ở Tòa án cấp phúc thẩm
41. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự
42. Kháng cáo quá hạn trong tố tụng dân sự
43. Tranh tụng tại phiên tòa dân sự
44. Điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự
45. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm dân sự
46. Thủ tục giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn
47. Thủ tục xét tính hợp pháp của cuộc đình công
48. Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án
49. Thời hạn trong tố tụng dân sự
50. Thời hiệu khởi kiện trong tố tụng dân sự
51. Thay đổi, bổ sung và rút yêu cầu của đương sự tại phiên tòa dân sự
52. Nguyên đơn thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu trong tố tụng dân sự
53. Những vụ án dân sự không được hòa giải và không tiến hành hòa giải được
54. Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam
55. Hoãn phiên tòa dân sự
56. Tạm ngừng phiên tòa dân sự
57. Phiên họp giải quyết việc dân sự
58. Nhập, tách vụ án trong tố tụng dân sự
59. Quyền và nghĩa vụ của đương sự vụ án dân sự
60. Quyền và nghĩa vụ của đương sự việc dân sự
61. Người tiến hành tố tụng trong tố tụng dân sự
62. Xét xử vắng mặt đương sự trong tố tụng dân sự
63. Phiên tòa phúc thẩm dân sự
64. Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự
65. Trả lại đơn khởi kiện trong tố tụng dân sự
66. Thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự
67. Điều kiện khởi kiện vụ án dân sự
68. Phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự
69. Điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự
70. Điều kiện thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự
71. Điều kiện hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự
72. Thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự
73. Người tham gia tố tụng khác trong tố tụng dân sự
74. Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam
75. Áp dụng nguyên tắc bảo đảm quyền tranh tụng tại tại phiên tòa dân sự
76. Thụ lý vụ việc dân sự
77. Kháng nghị phúc thẩm của viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng dân sự
78. Đại diện hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự
79. Đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng dân sự
80. Đại diện theo pháp luật của đương sự trong tố tụng dân sự
81. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong tố tụng dân sự
82. Người làm chứng trong tố tụng dân sự
83. Quyền hủy Bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự
84. Quyền sửa Bản án sơ thẩm của Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự
85. Quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án
86. Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự
87. Cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng dân sự
88. Yêu cầu phản tố trong tố tụng dân sự
89. Yêu cầu độc lập trong tố tụng dân sự
90. Thay đổi người tiến hành tố tụng trong tố tụng dân sự
91. Quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự
92. Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án
93. Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài
94. Thủ tục không công nhận tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài
95. Thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài
96. Thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam giải quyết vụ việc có yếu tố nước ngoài
97. Không thay đổi thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong tố tụng dân sự
98. Năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự của người nước ngoài
99. Năng lực pháp luật tố tụng dân sự của cơ quan, tổ chức nước ngoài và tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, Nhà nước nước ngoài

**MÔN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

1. Tập quán về hôn nhân và gia đình
2. Yêu sách của cải trong kết hôn
3. Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản
4. Xử lý việc kết hôn trái pháp luật
5. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn
6. Căn cứ xác lập đại diện giữa vợ và chồng
7. Bảo vệ quyền, nghĩa vụ về nhân thân của vợ, chồng
8. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng trong các giao dịch do vợ chồng xác lập, thực hiện
9. Đại diện giữa vợ và chồng
10. Căn cứ xác lập tài sản chung của vợ chồng
11. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng
12. Căn cứ xác lập tài sản riêng của vợ chồng
13. Nhập tài sản riêng của vợ, chồng vào tài sản chung
14. Căn cứ ly hôn
15. Giải quyết quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba khi ly hôn
16. Quyền và nghĩa vụ của con trong hôn nhân và gia đình
17. Giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi vợ chồng ly hôn
18. Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn
19. Xác định cha, mẹ
20. Xác định con
21. Giải quyết việc xác định cha, mẹ, con
22. Áp dụng pháp luật đối với quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
23. Giải quyết vụ, việc hôn nhân và gia đình có áp dụng tập quán
24. Thu nhập hợp pháp khác của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân
25. Tài sản riêng khác của vợ, chồng theo quy định của pháp luật
26. Đăng ký tài sản chung của vợ chồng
27. Nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ, chồng
28. Ảnh hưởng của điều kiện văn hoá – xã hội đối với gia đình Việt Nam hiện nay
29. Ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường đối với gia đình Việt Nam hiện nay
30. Thực trạng áp dụng pháp luật về mang thai hộ ở Việt Nam hiện nay
31. Chức năng giáo dục của gia đình trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay
32. Chức năng kinh tế của gia đình trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay
33. Bảo vệ quyền lợi người yếu thế trong pháp luật hôn nhân và gia đình
34. Bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em trong pháp luật hôn nhân và gia đình
35. Chính sách dân số và sự phát triển bền vững của gia đình Việt Nam
36. Nghĩa vụ của vợ chồng trong việc xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.
37. Thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi ở Việt Nam hiện nay.
38. Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

**LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

1. Thỏa thuận thi hành án dân sự
2. Căn cứ hoãn thi hành án dân sự theo pháp luật Việt Nam
3. Hoạt động tống đạt văn bản thi hành án dân sự
4. Chủ động ra quyết định thi hành án dân sự
5. Xác minh điều kiện thi hành án dân sự
6. Công khai thông tin của người phải thi hành án dân sự
7. Thông báo về thi hành án dân sự
8. Áp dụng biện pháp bảo đảm trong thi hành án dân sự
9. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự
10. Ủy thác thi hành án dân sự
11. Xác định giá đối với tài sản kê biên trong thi hành án dân sự
12. Đấu giá quyền sở hữu trí tuệ trong thi hành án dân sự
13. Đấu giá và xử lý kết quả bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự
14. Chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự
15. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời
16. Tương trợ tư pháp về dân sự trong thi hành án
17. Biện pháp thi hành án của Thừa phát lại trong thi hành án dân sự Việt Nam
18. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong thi hành án dân sự Việt Nam
19. Thi hành nghĩa vụ là trách nhiệm liên đới trong thi hành án dân sự Việt Nam
20. Biện pháp buộc thực hiện công việc nhất định trong thi hành án dân sự Việt Nam
21. Biện pháp buộc không được thực hiện công việc nhất định trong thi hành án dân sự Việt Nam
22. Hoạt động xử lý tài sản là động sản bị kê biên để thi hành án dân sự
23. Hoạt động xử lý tài sản là bất động sản bị kê biên để thi hành án dân sự
24. Hoạt động lập vi bằng của Thừa phát lại theo pháp luật Việt Nam
25. Thi hành nghĩa vụ về cấp dưỡng trong thi hành án dân sự Việt Nam
26. Giao tài sản cho người trúng đấu giá trong thi hành án dân sự
27. Ra quyết định thi hành án dân sự
28. Tạm giữ tài sản, giấy tờ để thi hành án dân sự
29. Hoạt động tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản trong thi hành án dân sự
30. Hoạt động phong tỏa tiền trong tài khoản để thi hành án trong thi hành án dân sự
31. Hoạt động khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án trong thi hành án dân sự
32. Biện pháp thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án để thi hành án trong thi hành án dân sự
33. Hoạt động thu tiền, tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ để thi hành án dân sự
34. Hoạt động thẩm định giá trong thi hành án dân sự
35. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong thi hành án dân sự

**MÔN LUẬT LAO ĐỘNG**

1. Quyền tự do công đoàn trong Hiệp định CPTPP và tác động đối với Việt Nam
2. Vấn đề nội luật hóa các cam kết lao động trong Hiệp định CPTPP và EVFTA
3. Tiêu chuẩn lao động cốt lõi theo quy định của pháp luật quốc tế và tác động đối với Việt Nam
4. Thực hiện cam kết về lao động trong các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới – nghiên cứu pháp luật nước ngoài và kinh nghiệm cho Việt Nam
5. Tổ chức đại diện tập thể người lao động: Nghiên cứu so sánh pháp luật Việt Nam với pháp luật một số quốc gia và ILO
6. Bảo đảm quyền của tổ chức đại diện tập thể lao động theo pháp luật Việt Nam
7. Tổ chức đại diện người sử dụng lao động theo pháp luật lao động Việt Nam
8. Pháp luật về tổ chức dịch vụ việc làm
9. Quyền được đảm bảo điều kiện làm việc tối thiểu của người lao động khuyết tật
10. Chế độ tai nạn lao động theo Luật An toàn, Vệ sinh lao động 2015
11. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp
12. Pháp luật về người lao động cao tuổi
13. Pháp luật về người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề ở nước ngoài
14. Pháp luật về hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
15. Quyền duy trì kỷ luật lao động của người sử dụng lao động.
16. Quyền tự chủ trong tuyển dụng và sử dụng lao động
17. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.
18. An ninh việc làm của người lao động dưới góc độ pháp lý
19. Tài chính của quỹ bảo hiểm xã hội
20. Tuổi nghỉ hưu theo pháp luật Việt Nam
21. Pháp luật về đào tạo và nâng cao trình đô nghề cho người lao động
22. Nghĩa vụ bảo vệ bí mật kinh doanh trong quan hệ lao động
23. Quyền quản lý thông tin về người lao động tại nơi làm việc
24. Điều chỉnh pháp luật lao động Việt nam trong hoạt động cho thuê lại lao động
25. Pháp luật điều chỉnh các hình thức sử dụng lao động thuê ngoài
26. Bảo vệ quyền lợi của người lao động trong quan hệ cho thuê lại lao động
27. Thỏa thuận cấm cạnh tranh trong pháp luật lao động
28. Pháp luật về quản lý và sử dụng người lao động nước ngoài tại Việt Nam
29. Bảo vệ quyền lợi  của lao động giúp việc gia đình trong pháp luật lao động Việt Nam
30. Quyền được tiếp cận thông tin của người lao động trong quan hệ lao động theo pháp luật Việt Nam
31. Đào tạo nghề theo pháp luật lao động Việt Nam
32. Cắt giảm lao động tại doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam
33. Hợp đồng lao động vô hiệu theo pháp luật Việt Nam
34. Thỏa ước lao động tập thể vô hiệu theo pháp luật Việt Nam
35. Đối thoại tại nơi làm việc theo pháp luật Việt Nam
36. Tiền lương tối thiểu theo pháp luật Việt Nam
37. Chống phân biệt đối xử trong tuyển dụng và trả lương theo pháp luật lao động Việt Nam
38. Thương lượng tập thể - Nghiên cứu so sánh và kinh nghiệm cho Việt Nam
39. Pháp luật về thương lượng tập thể tại Việt Nam
40. Ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể theo pháp luật Việt Nam
41. Vấn đề đại diện trong quan hệ lao động theo pháp luật Việt Nam
42. Pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài
43. Bồi thường thiệt hại trong hợp đồng xuất khẩu lao động theo pháp luật Việt Nam
44. Pháp luật về xử lý kỷ luật lao động
45. Sa thải theo pháp luật lao động Việt Nam
46. Pháp luật lao động Việt nam về sử dụng lao động nữ
47. Bình đẳng giới trong quan hệ lao động theo pháp luật Việt Nam
48. Pháp luật Việt Nam về sử dụng người lao động chưa thành niên
49. Pháp luật về bồi thường thiệt hại trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật
50. Trách nhiệm bồi thường tai nạn lao động theo pháp luật Việt Nam
51. Trách nhiệm vật chất theo pháp luật Việt Nam
52. Chế độ hưu trí theo pháp luật Việt Nam
53. Pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc
54. Pháp luật về bảo hiểm xã hội tự nguyện
55. Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo pháp luật Việt Nam
56. Thực trạng thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và hướng hoàn thiện
57. Hòa giải tranh chấp lao động cá nhân theo pháp luật Việt Nam
58. Giải quyết tranh chấp lao động bằng trọng tài
59. Pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động tập thể
60. Phương thức giải quyết tranh chấp lao động ngoài tòa án theo pháp luật Việt Nam
61. Quyền đình công của người lao động theo pháp luật Việt Nam
62. Vai trò của tổ chức đại diện người lao động trong các cuộc đình công theo pháp luật Việt Nam
63. Đình công bất hợp pháp theo pháp luật lao động Việt Nam
64. Chống phân biệt đối xử đối với lao động nữ theo pháp luật Việt Nam
65. Quấy rối tình dục tại nơi làm việc: nghiên cứu so sánh với pháp luật một số quốc gia
66. Xây dựng khung pháp lý cho cơ chế ba bên trong quan hệ lao động
67. Cung ứng lao động theo pháp luật Việt Nam
68. Chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp theo pháp luật Việt Nam
69. Pháp luật về người lao động khuyết tật
70. Pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động
71. Pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động
72. Khía cạnh pháp lý vể bảo vệ người lao động chuyển giới
73. Pháp luật điều chỉnh quan hệ lao động trong khu vực phi chính thức
74. Lao động không trọn thời gian theo pháp luật Việt Nam
75. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong lĩnh vực an sinh xã hội
76. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động
77. Bảo mật thông tin trong quan hệ lao động theo pháp luật Việt Nam
78. Trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động theo pháp luật Việt nam
79. Pháp luật về bảo trợ và trợ giúp xã hội
80. Pháp luật về ưu đãi xã hội
81. Bảo vệ quyền lợi của NLĐ theo hợp đồng lao động bán thời gian
82. Các hình thức sử dụng lao động trong doanh nghiệp và vấn đề bảo vệ quyền lợi của NLĐ
83. Sự điều chỉnh của pháp luật lao động đối với các công việc tạm thời
84. Điều chỉnh pháp luật lao động về quản lý lao động nước ngoài trong xu thế toàn cầu hóa ở Việt Nam hiện nay
85. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về lao động để tương thích với Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên Minh Châu Âu (EVFTA)
86. Quy định của pháp luật về việc đảm bảo chế độ an sinh xã hội cho lao động di trú.
87. Quyền ngắt kết nối với nơi làm việc của NLĐ – Nghiên cứu so sánh pháp luật của một số quốc gia và khuyến nghị cho Việt Nam.